

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO
GIẢI QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC PHẦN
MÔN HỌC : THỦY LỰC
M? MÔN H ỌC : HYD-201 * SỐ TÍN CHỈ : 2 * HỌC KỲ : 3

NGÀY THI: 04/10/2012 LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP (%)						ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	BT 1	BT 2	BT 3	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	5	5	5	15	55	100		
1	161327040	Ngô Gia	Phong	K17XCD1	K17(HYD 201)A	4	0	0	0	4.5	HP	0.0	Khăng	
2	171216247	Trần Minh	Dương	K17XCD1	K17(HYD 201)A	10	7.5	8	6.5	4.5	5	6.0	Sầu	
3	171216254	Lê	Hiền	K17XCD1	K17(HYD 201)A	9	5	7.5	8	4	7	6.8	Sầu pháy Tầm	
4	171216266	Trương Văn	Hùng	K17XCD1	K17(HYD 201)A	9	5	6.5	8	1	4	4.7	Bấu pháy Bấu	
5	171216270	Phan Thanh	Hưng	K17XCD1	K17(HYD 201)A	4	0	0	0	2.5	HP	0.0	Khăng	
6	171216318	Phạm Phú	Quang	K17XCD1	K17(HYD 201)A	10	5	7.5	8	4.5	9.5	8.4	Tầm pháy Bấu	
7	171216326	Huỳnh Tấn Nhật	Sinh	K17XCD1	K17(HYD 201)A	9	5	5	7	1	HP	0.0	Khăng	
8	171216342	Nguyễn	Thắng	K17XCD1	K17(HYD 201)A	9	5	9	8	6	8	7.8	Bấu pháy Tầm	
9	171216354	Lê Phước	Thông	K17XCD1	K17(HYD 201)A	10	8	9	8	2.5	8	7.5	Bấu pháy Nầm	
10	171216358	Lê Vĩnh	Toàn	K17XCD1	K17(HYD 201)A	10	5	9	7.5	4	9.5	8.4	Tầm pháy Bấu	
11	171216370	Nguyễn Xuân	Trung	K17XCD1	K17(HYD 201)A	8	8	6.5	4.5	3	1.5	0.0	Khăng	
12	171219016	Trà Văn	Thường	K17XCD1	K17(HYD 201)A	10	6.5	8.5	4.5	6.5	8.5	8.1	Tầm pháy Mất	
13	171216291	Lê Tự Tấn	Mỹ	K17XCD2	K17(HYD 201)A	6	6.5	7.5	0	3	7.5	6.2	Sầu pháy Hai	
14	171216295	Văn Thành	Nam	K17XCD2	K17(HYD 201)A	5	0	0	0	0	2.5	0.0	Khăng	
15	171216303	Dương Công	Pháp	K17XCD2	K17(HYD 201)A	3	0	0	0	5	9	6.2	Sầu pháy Hai	
16	171216319	Bùi Chánh	Quang	K17XCD2	K17(HYD 201)A	3	0	0	0	7.5	V	0.0	Khăng	
17	171216347	Phạm Hữu	Thành	K17XCD2	K17(HYD 201)A	3	0	0	0	0	HP	0.0	Khăng	
18	171216379	Trần Mạnh	Tùng	K17XCD2	K17(HYD 201)A	6	0	0	0	0	9	5.9	Nầm pháy Chên	
19	171216228	Ngô Hùng	Cường	K17XCD3	K17(HYD 201)A	9	8.5	0	6.5	4.5	5	5.5	Nầm pháy Nầm	
20	171216248	Nguyễn Quốc	Duy	K17XCD3	K17(HYD 201)A	9	9.5	0	6.5	6	5	5.8	Nầm pháy Tầm	
21	171216300	Mai Văn	Nhật	K17XCD3	K17(HYD 201)A	9	0	8.5	7.5	7	9	8.2	Tầm pháy Hai	
22	171216305	Nguyễn Văn	Phi	K17XCD3	K17(HYD 201)A	9	8	8	6.5	1	10	8.1	Tầm pháy Mất	
23	171216336	Đỗ Thanh	Tây	K17XCD3	K17(HYD 201)A	7	8.5	0	0	1	8	6.0	Sầu	
24	171216364	Nguyễn Tiến	Trung	K17XCD3	K17(HYD 201)A	4	0	0	0	5	8.5	6.0	Sầu	
25	171218858	Hồ Ngọc Hưng	Quốc	K17XCD3	K17(HYD 201)A	1	0	0	0	0	9	5.1	Nầm pháy Mất	
26	171216217	Lương Thanh	B?nh	K17XCD4	K17(HYD 201)A	0	0	0	0	0	HP	0.0	Khăng	
27	171216241	Bùi Anh	Đức	K17XCD4	K17(HYD 201)A	7	6.5	3.5	0	0	5.5	4.6	Bấu pháy Sầu	
28	171216244	Lê Văn	Dũng	K17XCD4	K17(HYD 201)A	7	7	8.5	0	7.5	8	7.4	Bấu pháy Bấu	
29	171216249	Nguyễn Thanh	Hà	K17XCD4	K17(HYD 201)A	6	8.5	3.5	3	2	0.5	0.0	Khăng	
30	171216273	Nguyễn Văn Quốc	Huy	K17XCD4	K17(HYD 201)A	9	8.5	10	10	7	7.5	8.0	Tầm	
31	171216281	Nguyễn Duy	Linh	K17XCD4	K17(HYD 201)A	10	7	3.5	3	6	8.5	7.8	Bấu pháy Tầm	
32	171216329	Trần Hữu	Sơn	K17XCD4	K17(HYD 201)A	9	8.5	6.5	5.5	3	8.5	7.5	Bấu pháy Nầm	
33	171216333	Chung Anh	Tân	K17XCD4	K17(HYD 201)A	0	0	0	0	0	HP	0.0	Khăng	
34	162213206	Nguyễn Hoàng	Anh	K17XDD1	K17(HYD 201)A	10	7	0	5.5	5	8.5	7.6	Bấu pháy Sầu	
35	162217085	Nguyễn Duy	Thái	K17XDD1	K17(HYD 201)A	0	0	0	0	0	V	0.0	Khăng	
36	172217132	Dương Văn Quốc	Bảo	K17XDD1	K17(HYD 201)A	1	9.5	0	0	0	HP	0.0	Khăng	
37	172217188	Hà Văn	Hưng	K17XDD1	K17(HYD 201)A	6	0	0	0	2	0	0.0	Khăng	
38	172217200	Hoàng Văn	Lâm	K17XDD1	K17(HYD 201)A	10	7	0	0	8	5.5	6.1	Sầu pháy Mất	
39	172217204	Nguyễn Văn	Long	K17XDD1	K17(HYD 201)A	10	7.5	0	0	7	6.5	6.5	Sầu pháy Nầm	
40	172217244	Bùi Quang	Phương	K17XDD1	K17(HYD 201)A	9	7.5	0	0	8	6.5	6.5	Sầu pháy Nầm	

NGÀY THI: 04/10/2012 LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP (%)						ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	BT 1	BT 2	BT 3	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	5	5	5	15	55	100		
41	172217141	Nguyễn Trí Công	K17XDD2	K17(HYD 201)A	9	5	9.5	4.5	5	7.5	7.2	Baý pháỷ Hai	
42	172217195	Lê Duy Khánh	K17XDD2	K17(HYD 201)A	8	0	8.5	4.5	6	8	7.2	Baý pháỷ Hai	
43	172217201	Nguyễn Hữu Lâm	K17XDD2	K17(HYD 201)A	9	8.5	10	9	7	5.5	6.8	Saũ pháỷ Taĩm	
44	172217245	Bùi Tiên Phương	K17XDD2	K17(HYD 201)A	9	8	9	7	6.5	9.5	8.8	Taĩm pháỷ Taĩm	
45	172217286	Trần Kim Thịnh	K17XDD3	K17(HYD 201)A	9	4	6.5	10	7.5	8.5	8.2	Taĩm pháỷ Hai	
46	172217139	Lê Văn Chương	K17XDD4	K17(HYD 201)A	10	8.5	9	8	5.5	10	9.1	Chên pháỷ Mẩũ	
47	172217155	Ngô Văn Đức	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	6	7.5	9.5	8	9	8.7	Taĩm pháỷ Baỷ	
48	172217159	Trần Quốc Dũng	K17XDD4	K17(HYD 201)A	0	0	0	0	0	HP	0.0	Khăng	
49	172217191	Nguyễn Vĩnh Hưng	K17XDD4	K17(HYD 201)A	5	7	9	8.5	8	6	6.5	Saũ pháỷ Nẳm	
50	172217207	Trần Đại Luật	K17XDD4	K17(HYD 201)A	10	5	7.5	6.5	8	9.5	8.9	Taĩm pháỷ Chên	
51	172217223	V? Đ?nh Khôi Nguyên	K17XDD4	K17(HYD 201)A	8	7.5	0	9.5	7.5	10	8.7	Taĩm pháỷ Baỷ	
52	172217235	Đỗ Văn Pháp	K17XDD4	K17(HYD 201)A	10	6	9	8	7.5	8	8.2	Taĩm pháỷ Hai	
53	172217239	Châu Đại Phong	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	8.5	10	9.5	8	10	9.5	Chên pháỷ Nẳm	
54	172217243	Nguyễn Minh Phước	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	7.5	8.5	9.5	2	9.5	8.2	Taĩm pháỷ Hai	
55	172217251	Nguyễn Thanh Quang	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	8.5	9	8	8	9	8.8	Taĩm pháỷ Taĩm	
56	172217255	Phan Nguyễn Thế Sang	K17XDD4	K17(HYD 201)A	8	7.5	10	9.5	9	8	8.3	Taĩm pháỷ Ba	
57	172217263	Nguyễn Văn Tấn	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	7	9	5.5	6	9.5	8.6	Taĩm pháỷ Saũ	
58	172217271	Hồ Đức Thanh	K17XDD4	K17(HYD 201)A	10	6.5	8.5	8.5	3.5	4	5.4	Nẳm pháỷ Bẩũ	
59	172217272	Nguyễn Minh Thành	K17XDD4	K17(HYD 201)A	8	7	9.8	8.5	5	2	0.0	Khăng	
60	172217279	Ngô Tấn Thi	K17XDD4	K17(HYD 201)A	6	8.5	8.5	8.5	6	9	8.0	Taĩm	
61	172217283	Lê Hữu Thiện	K17XDD4	K17(HYD 201)A	8	6.5	8.5	6.5	8.5	9.5	8.8	Taĩm pháỷ Taĩm	
62	172217287	Quách Hoàng Thịnh	K17XDD4	K17(HYD 201)A	10	7	9	8.5	9.5	10	9.7	Chên pháỷ Baỷ	
63	172217299	Phan Tôn Tín	K17XDD4	K17(HYD 201)A	10	9.5	10	9.5	8	10	9.7	Chên pháỷ Baỷ	
64	172217303	Hứa Văn Tĩnh	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	7	5	9.5	7.5	8.5	8.2	Taĩm pháỷ Hai	
65	172217307	Đặng Ngọc Trung	K17XDD4	K17(HYD 201)A	10	7.5	8.5	9.5	0	9.5	8.0	Taĩm	
66	172217311	Lương Văn Trường	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	8	9	9.5	5	5	6.2	Saũ pháỷ Hai	
67	172217318	Nguyễn Thanh Tùng	K17XDD4	K17(HYD 201)A	9	7	10	8.5	8	8	8.2	Taĩm pháỷ Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	52	78%	
2	Số sinh viên nợ	15	22%	
TỔNG CỘNG :		67	100%	

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 11 năm 2012
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

ThS. Nguyễn Hữu Phú